

THIÊN MA (Thân rễ)

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt hơi đắng, tính hàn. Vào các kinh phế, vị, đại tràng.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt sinh tân chi khát, tiêu thũng bài mù. Chủ trị: Nhiệt chứng phiền khát, vị nhiệt phản vị (trào ngược), phế nhiệt ho khan, nội nhiệt tiêu khát (tiểu đường), viêm tuyến vú nang mủ, nhọt mạch lươn.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 12 g, có thể dùng đến 20 g, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán, thường phối hợp trong các bài thuốc.

Kiêng kỵ

Người mắc chứng tỳ hư hàn không dùng. Phản Ô đầu (không dùng chung với thuốc có Ô đầu).

THIÊN MA (Thân rễ)

Gastrodia elatae Rhizoma

Xích tiên

Thân rễ (còn gọi là củ) được làm khô của cây Thiên ma (*Gastrodia elata* BL.), họ Lan (Orchidaceae). Thu hoạch vào mùa đông năm trước (tốt nhất) đến mùa xuân năm sau. Đào lấy thân rễ, rửa sạch ngay, đồ kỹ, trải mỏng, sấy khô ở nhiệt độ thấp.

Mô tả

Thân rễ hình bầu dục hoặc hình trụ dẹt hơi cong, dài 3 cm đến 15 cm, rộng 1,5 cm đến 6 cm, dày 0,5 cm đến 2 cm. Mặt ngoài màu trắng hơi vàng đến vàng nâu, có vân nhăn dọc và nhiều vân vòng tròn ngang của những chồi búp tiềm tàng, đôi khi thấy những dải nhỏ màu nâu. Phía đỉnh (đầu) dược liệu có những chồi hình mô vệt, màu nâu đỏ đến nâu sẫm hoặc có vết thân; phía đuôi có một vết sẹo tròn. Chất cứng rắn như sừng, khó bẻ gãy, mặt bẻ tương đối phẳng, màu trắng hơi vàng đến màu nâu. Mùi nhẹ, vị hơi ngọt.

Ghi chú: Loại củ rắn chắc, to, nhiều thịt, không có lỗ hồng, nhìn trong sáng là loại tốt. Không dùng loại củ xốp, nhẹ.

Bột

Bột màu trắng hơi vàng đến màu vàng nâu. Soi dưới kính hiển vi thấy: Tế bào mô mềm hình bầu dục hoặc đa số có hình nhiều cạnh, đường kính 70 μ m đến 180 μ m; thành dày 3 μ m đến 8 μ m, hóa gỗ, có lỗ rõ rệt. Tinh thể calci oxalat hình kim xếp thành bó hay rải rác, dài 25 μ m đến 75 μ m (có thể tới 93 μ m). Khi ngâm trong thuốc thử *glycerin - acid acetic* (TT), thấy các tế bào mô mềm chứa polysaccharid đã bị hồ hóa không màu, một số tế bào chứa hạt tinh bột nhỏ hình trứng dài, bầu dục dài hoặc hình gần tròn, cho màu nâu hoặc tím hơi nâu với *dung dịch iod-iodid* (TT). Mảnh mạch xoắn, mạch mạng, đường kính 8 μ m đến 30 μ m.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 10 ml nước, ngâm trong

4 h, thỉnh thoảng lắc đều, lọc. Thêm vào dịch lọc 2 giọt đến 4 giọt *dung dịch iod-iodid* (TT), sẽ hiện màu đỏ tím hay màu rượu vang đỏ.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Ethyl acetat - methanol - nước (9 : 1 : 0,2).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 0,5 g bột dược liệu, thêm 5 ml methanol 70 % (TT), siêu âm trong 30 min, lọc.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy khoảng 0,5 g bột Thiên ma (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan gastrodin chuẩn trong methanol để được dung dịch có nồng độ 1 mg/ml.

*Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 μ l mỗi dung dịch thử, dung dịch dược liệu đối chiếu và 5 μ l dung dịch chất đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng. Phun dung dịch *acid phosphomolybdic 10 % trong ethanol* (TT). Sấy bản mỏng ở 105 °C cho đến khi xuất hiện vết. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải cho các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu và phải có một vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết gastrodin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.*

Độ ẩm

Không quá 15,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 85 °C, 5 h).

Tạp chất

Không quá 3,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không được quá 4,5 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không được ít hơn 10,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol 96 % (TT)* làm dung môi.

Định lượng

Phương pháp sắc ký lỏng (Phụ lục 5.3).

Pha động: Acetonitril - dung dịch acid phosphoric 0,05 % (3 : 97).

*Dung dịch thử: Cân chính xác khoảng 2 g bột dược liệu (qua rây số 355) vào bình nón có nút mài, thêm chính xác 50 ml ethanol 50 % (TT), đập nút, cân, sau đó đun sôi hồi lưu trên cách thủy 3 h, để nguội, cân lại và bổ sung ethanol 50 % (TT) để được khối lượng ban đầu. Trộn đều và lọc. Lấy chính xác 10,0 ml dịch lọc đem cô đến vừa cạn. Hòa tan cần trong hỗn hợp dung môi gồm *acetonitril - nước* (3 : 97), chuyển toàn bộ dung dịch thu được vào bình định mức 25 ml, pha loãng với cùng dung môi đến vạch. Trộn đều, lọc qua màng lọc 0,45 μ m.*

Dung dịch chuẩn: Hòa tan gastrodin chuẩn trong pha động để được dung dịch có nồng độ chính xác khoảng 50 μ g/ml.

Điều kiện sắc ký:

Cột kích thước (25 cm $\times$ 4,6 mm) nhồi pha tĩnh C (5 μ m).

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Detector quang phổ tử ngoại đặt tại bước sóng 220 nm.

Thể tích tiêm: 10 µl.

Tốc độ dòng: 1,0 ml/min.

Cách tiến hành:

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Tiến hành sắc ký với dung dịch chuẩn, tính số đĩa lý thuyết của cột. Số đĩa lý thuyết của cột không được nhỏ hơn 5000 tính theo pic của gastrodin. Độ lệch chuẩn tương đối của diện tích pic gastrodin trong 6 lần tiêm lặp lại không được lớn hơn 2,0 %. Tiến hành sắc ký với dung dịch chuẩn, dung dịch thử. Tính hàm lượng gastrodin trong dược liệu dựa vào diện tích pic gastrodin trên sắc ký đồ của dung dịch thử, dung dịch chuẩn và hàm lượng $C_{13}H_{18}O_7$ trong gastrodin chuẩn. Dược liệu phải chứa không ít hơn 0,20 % gastrodin ($C_{13}H_{18}O_7$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Thiên ma tẩm rượu sao: Củ đã phơi khô được rửa sạch, bỏ tạp chất, để ráo nước. Tẩm rượu 40°, cứ 1 kg Thiên ma dùng 300 ml rượu, tẩm đều, ủ 3 ngày đêm cho mềm, thái lát mỏng, sấy nhẹ cho khô. Tẩm rượu sao để tăng cường thuốc vào phần huyết.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi thoáng mát, tránh mốc, mốc. Dược liệu đã chế biến: Để nơi thoáng mát, tránh mốc, mốc, nên dùng trong 90 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào phần huyết của kinh can.

Công năng, chủ trị

Bình can, trừ phong, trấn kinh (trấn co giật). Chủ trị: Do gan nóng huyết nhiệt bốc hỏa đầu đau, hoa mắt, chân tay tê co giật. Trẻ em kinh phong co giật.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 16 g, dạng thuốc sắc, trẻ em dùng 1/2 liều của người lớn (thầy thuốc điều chỉnh liều tùy bệnh tật và sức khỏe của trẻ). Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Người âm hư, huyết hư, không phải trúng phong không được dùng.

THIÊN MÔN ĐÔNG (RỄ)

Asparagi cochinchinensis Radix

Thiên đông, Tóc tiên leo

Rễ (thường gọi là củ) đã chế biến và được làm khô của cây Thiên môn đông [*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.], họ Thiên môn đông (Asparagaceae). Thu hoạch rễ (củ) ở cây đã mọc trên 2 năm vào cuối mùa thu và mùa đông (thường là tháng 10 đến 12), đào cả cụm gốc thân và rễ củ, bỏ gốc thân và rễ con, lấy rễ củ rửa sạch, luộc hoặc

THIÊN MÔN ĐÔNG (RỄ)

đồ đến khi mềm, trong lúc nóng loại bỏ vỏ mỏng ngoài cùng, rút lõi, phơi hay sấy khô.

Mô tả

Dược liệu là những đoạn rễ dài khoảng 5 cm đến 18 cm, đường kính 0,5 cm đến 1 cm, hai đầu thuôn nhỏ dần, màu vàng nhạt đến vàng nâu (màu hồ phách), trong, mờ, sáng bóng. Thề chất cứng, dai, có chất nhầy dính, mặt cắt mịn bóng. Mùi nhẹ, vị hơi đắng.

Ghi chú: Loại củ hình thoi, hai đầu nhọn, màu hồ phách, khô, to mập, đã rút bỏ lõi bên trong, mềm, cầm không dính tay, không mốc mọt là loại tốt.

Bột

Màu trắng ngà, mùi đặc trưng, vị ngọt hơi đắng. Soi kính hiển vi thấy: Mảnh mô mềm gồm tế bào thành mỏng, chứa tinh thể calci oxalat. Tinh thể calci oxalat hình kim xếp thành bó hay rải rác, dài 40 µm đến 99 µm.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (2 : 1). Để bão hòa dung môi trong 20 min.

Dung dịch thử: Lấy khoảng 2,0 g dược liệu đã tán nhỏ, thêm 5 ml nước, ngâm trong 1 h cho trương nở, nghiền kỹ trong cối, chuyển dược liệu đã nghiền nhỏ vào bình nón bằng 20 ml methanol (TT), siêu âm 30 min, tiếp tục đun sôi hồi lưu trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc lấy phần dịch chiết, phần bã dược liệu được chiết nhắc lại 2 lần, mỗi lần bằng 20 ml methanol (TT). Gộp các dịch chiết methanol, bay hơi trên cách thủy đến gần cạn. Hòa cần thu được bằng 5 ml nước, lắc hỗn hợp với cloroform (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml, để yên cho tách lớp, gạn lấy phần dịch cloroform, thu hồi dung môi đến cạn. Hòa cần thu được trong 2 ml methanol (TT).

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 2,0 g Thiên môn đông (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ, tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan β-sitosterol chuẩn trong methanol (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,1 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch thử và dung dịch dược liệu đối chiếu, 6 µl dung dịch chất đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí, phun hỗn hợp gồm 1 ml acid sulfuric (TT), 20 ml anhydrid acetic (TT) và 50 ml cloroform (TT) (thuốc thử Liebermann-Burchard), sấy bản mỏng ở 105 °C trong 2 min đến 3 min. Quan sát dưới ánh sáng thường và dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu hoặc phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết β-sitosterol trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 16,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).